

Số: 06/2023/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 02 năm 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Xoàng Văn Khảm và ông Bùi Văn Tám.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Quang P, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Quang P kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 06/8/1997. Trước khi kết hôn cả hai người đều được tự do tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới chị về làm dâu và sinh sống với gia đình nhà anh P ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do anh P chơi bời sống không có trách nhiệm gì với vợ con và có quan hệ bất chính với người đàn bà khác. Khi phát hiện ra, nhiều lần chị đã khuyên nhủ nhưng anh P không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Tình cảm vợ chồng rạn nứt đã

đến mức độ không thể hàn gắn lại được do vậy anh chị đã sống ly thân với nhau cách đây nhiều năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Bị đơn là anh Bùi Quang P, được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh P. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của ông Bùi Văn Phi là anh trai ruột của anh P.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2022, ông X trình bày.

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh P xảy ra đúng như lời trình bày trên của chị H. Sau khi vợ chồng chị H xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình có khuyên bảo giàn xếp để vợ chồng về sống đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chị H chán nản nên bỏ về nhà bố mẹ để sống dẫn đến vợ chồng chị H hiện tại đang sống ly thân nhau. Thời điểm chị H xin ly hôn, tuy anh P không có mặt ở nhà nhưng khi Tòa án gửi các văn bản về cho anh P, gia đình ông X đều nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án, ông đã trực tiếp thông báo cho anh P biết nội dung văn bản của Tòa án và bảo anh P về Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc để giải quyết việc ly hôn. Tuy nhiên, hiện tại anh P đang bận đi làm nên không thể về Tòa án để làm việc được, anh P có nói lại cho ông biết quan điểm của anh P là không đồng ý ly hôn với chị H, còn chị H muốn ly hôn thì tùy.

Về con chung: Chị H và ông P đều xác định, vợ chồng chị H, anh P có 03 con chung là cháu Bùi Hồng M, sinh ngày 13/4/1998; cháu Bùi Hồng V, sinh ngày 25/12/2008 và cháu Bùi Ngọc L, sinh ngày 14/5/2013. Hiện tại cháu M đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu V và cháu L hiện đang ở cùng với chị H, ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả cháu V và cháu L.

Nguyện vọng của cháu L và cháu V đều xin được ở với mẹ.

Tại đơn khởi kiện, chị H yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức 1.000.000đ/cháu (Một triệu đồng), kể từ tháng 01/2023 cho đến khi các con thành niên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đã xin thay đổi không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H nữa.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật như sau:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Kiểm sát viên không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H và cho chị H được ly hôn với anh Bùi Quang P.

Về con chung: Giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Bùi Hồng V, sinh ngày 25/12/2008 và cháu Bùi Ngọc L, sinh ngày 14/5/2013. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh P. Sau này, nếu anh P có yêu cầu xin chuyển dịch quyền nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Bùi Quang P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Bùi Quang P là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Quang P theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Chị H xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Căn cứ vào lời trình bày của chị H, ông X là anh trai ruột của anh P trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã B, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Chị H và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc cho nên cần xác định cuộc hôn nhân của chị H và anh P là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị H và ông X đều thừa nhận. Trong cuộc sống hàng ngày, giữa chị H và anh P có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, dẫn đến mất niềm tin, thiếu sự quan tâm chia sẻ đối với nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cả chị H và anh P đều không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm mà chọn cách sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh P không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Mặc dù anh P có biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh P không về làm việc để mong hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Qua ông X, Tòa án có biết được quan điểm của anh P là không đồng ý ly hôn với chị H nhưng nếu chị H quyết ly hôn thì tùy. Điều này chứng tỏ, việc anh P không đồng ý ly hôn với chị H là không thật tâm, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh P đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn với anh Bùi Quang P.

Về con chung xác định: Vợ chồng chị H có 03 con chung là cháu Bùi Hồng M, sinh ngày 13/4/1998; cháu Bùi Hồng V, sinh ngày 25/12/2008 và cháu Bùi Ngọc L, sinh ngày 14/5/2013. Hiện tại cháu M đã trưởng thành và có gia đình riêng, chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Cháu V và cháu L hiện đang ở cùng với chị H, ly hôn chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai cháu. Nguyện vọng của cháu V và cháu L đều xin được ở với mẹ. Mặc dù thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn, anh P không có mặt ở nhà nên Tòa án không thể trực tiếp lấy được lời khai của anh P nên Tòa án không biết được nguyện vọng của anh P ra sao về việc nuôi con chung. Xét thấy, việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung là quyền lợi và cũng là nghĩa vụ của cả chị H và anh

P. Hiện tại, hai con của anh chị đang ở với chị H, việc chị H xin được nuôi cả 02 con là chính đáng phù hợp với nguyện vọng của các con đồng thời tránh làm xáo trộn cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu nên Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị H tiếp tục được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu Bùi Hồng V và cháu Bùi Ngọc L cho đến khi thành niên. Sau này, nếu anh P có nguyện vọng dịch chuyển quyền nuôi con chung thì anh P sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện tại anh P không có mặt ở nhà nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Quang P.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Hồng V, sinh ngày 25/12/2008 và cháu Bùi Ngọc L, sinh ngày 14/5/2013 cho đến khi thành niên. Anh Bùi Quang P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001470 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Đương sự có mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh